TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:19/2022/DS-ST.
Ngày: 28/4/2022
V/v: "Tranh chấp về chia di sản thừa kế".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Huệ;

2. Ông Trần Đình Phấn.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Thế Vinh-Thư ký Toà án nhân dân huyện Xuân Trường.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường*** tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 52/2021/TLST-DS ngày 08//11/2021 về "Tranh chấp về chia di sản thừa kế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-DS ngày 05/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/QĐST-DS ngày 21/4/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Mai Văn D, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm 3, (xóm H), xã X, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định;

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1951; địa chỉ: Xóm 3, (xóm H), xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Mai Thị B, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm (Xóm 10), xã H, huyện G, ỉnh Nam Định;

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị Mai Thị B, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm Hoành Tứ (Xóm 10), xã H, huyện , tỉnh Nam Định;

2. Anh Mai Văn D, sinh năm 1977;

*Người giám hộ cho anh Dư*ơng: Chị Doãn Thị H, sinh năm 1984;

3. Anh Mai Văn D, sinh năm 1982;

Người giám hộ cho anh D: Chị Lưu Thị T, sinh năm 1982;

4. Chị Doãn Thị H, sinh năm 1984;

5. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991;

Người đại diện theo uỷ quyền của chị T: Anh Mai Văn D, sinh năm 1985.

6. Chị Lưu Thị T, sinh năm 1982;

Anh Dương, anh D, chị Hi chị T, chị Tcùng có địa chỉ: Xóm 3, (xóm Ho), xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt anh D, chị B; chị H; vắng mặt bà H, bà H đã ủy quyền cho chị B; anh D, chị T, chị T, chị T đã ủy quyền cho anh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/6/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa nguyên đơn anh Mai Văn Dg trình bày: Bố đẻ anh là ông Mai Văn T, sinh năm 1953; chết ngày 23/12/2012, khi chết bố anh không để lại di chúc, mẹ đẻ anh là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1951; địa chỉ: Xóm 3, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Bố mẹ anh sinh được 04 người con đẻ, không có con nuôi, không có con riêng gồm:

1. Chị Mai Thị Bi, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm H (xóm 10), xã H, huyện G, tỉnh Nam Định;

2. Anh Mai Văn D, sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm 3, (Xóm H), xã X, huyện X, tỉnh Nam Định;

3. Anh Mai Văn D, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm 3, (Xóm H), xã X, huyện X, tỉnh Nam Định;

4. Anh là Mai Văn D

Bố mẹ anh có 1352m^2 đất tại Xóm H, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định: Phía Bắc giáp đất ông Đ, phía Nam giáp đường xã, phía Đôn giáp đất ông Đ, phía Tây giáp đất ông H. Trên đất có một nhà mái bằng 03 gian hướng Tây xây năm 1991 và một nhà mái ngói 04 gian hướng Nam xây năm 1977; một bể bằng ống bê tông, một bể xây; trước và sau nhà có vườn trồng rau. Ngoài nhà đất tài sản như anh vừa trình bày ở trên bố mẹ anh không còn nhà đất nào khác. Đất là bố mẹ anh tự mua và xây nhà để ở.

Trước đây 04 chị em anh ở cùng với bố mẹ tại nhà đất của bố mẹ tại Xóm H, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Khi các anh chị em anh trưởng thành xây dựng gia đình thì chị Biên ở bên đất của nhà chồng tại huyện Giao Thuỷ, không ở trên đất của bố mẹ anh, còn anh D, anh D và anh ở với bố mẹ, năm 2006 bố anh đã chia cho vợ chồng anh D, chị H một phần đất-phần đất không

có nhà để vợ chồng anh D, chị H xây nhà ống 1 tầng ở riêng (đất giáp với đất ông Hùng) – vợ chồng anh D chị H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 618774 ngày 07/6/2006 với diện tích là 410 m^2 thuộc thửa số 450 tờ bản đồ số 16 tại xóm 6, xã Xu. Phần đất còn lại đứng tên bố mẹ (Mai Văn T Nguyễn Thị) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 618734 ngày 07/6/2006 với diện tích 942 m^2 thuộc thửa số 373 tờ bản đồ số 16 tại Xóm 3, xã X. Nhà đất của bố mẹ anh hiện nay do mẹ anh, vợ chồng anh và vợ chồng anh D đang quản lý sử dụng - vợ chồng anh ở nhà mái bằng 3 gian hướng tây còn vợ chồng anh D ở nhà mái ngói 4 gian hướng nam, mẹ anh ở cả hai nhà, lúc ở nhà anh, lúc ở nhà anh Duy. Trong quá trình chung sống năm 2016 vợ chồng anh sửa lát gạch hoa và ốp tường trong nhà và ngoài hiên khoảng 20 triệu đồng. Năm 2017 vợ chồng anh và vợ chồng anh D cùng cải tạo lại bếp chi phí khoảng 9 triệu đồng, trong đó vợ chồng anh bỏ ra 6 triệu đồng, vợ chồng anh D bỏ ra 3 triệu đồng để mẹ con anh em sử dụng chung. Năm 2019 vợ chồng anh làm nhà tứ phủ giáp nhà ông Đống hết khoảng 400 triệu đồng. Năm 2021 vợ chồng anh có làm thêm một bể vanh bê tông để đựng nước khoảng 01 triệu đồng, đường nước 04 triệu đồng, làm đường điện1.5 triệu đồng; Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bố mẹ anh do mẹ anh (bà H) đang giữ.

Sau khi bố anh chết, gia đình anh đã nhiều lần họp bàn thống nhất về việc chia đất của bố nhưng anh trai anh là Mai Văn D không nhất trí, không ký kết vào các văn bản nên bất đắc dĩ anh mới phải làm đơn khởi kiện.

Nay quan điểm của anh: Năm 2006 khi bố anh còn sống bố anh đã chia đất cho vợ chồng anh D chị H, vợ chồng anh D chị H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tuy nhiên khi bố anh cho đất, bố anh không bàn bạc gì với mẹ anh, anh em chúng anh cũng không biết, trước đây anh có đề nghị Tòa án gộp cả phần đất mà trước đây bố anh đã cắt cho chia vợ chồng anh D, chị H để chia thừa kế theo quy định của pháp luật, nhưng sau đó anh rút yêu cầu không yêu cầu Tòa án xem xét đối với phần đất mà bố đã chia cắt cho vợ chồng anh Dương và chị Hiên nữa. Nay anh đề nghị Tòa án xem xét phân chia di sản của bố anh để lại diện tích đất là 471m^2 theo quy định của pháp luật, còn phần đất 471m^2 là của riêng mẹ anh. Đối với các công trình mà bố mẹ anh xây dựng đã hết khấu hao không còn giá trị nên anh không đề nghị Tòa án xem xét phân chia. Kỷ phần mà anh được chia anh xin nhận bằng đất và đề nghị để thuận tiện cho việc các bên sử dụng thì phần công trình ai đã xây và đang quản lý sử dụng thì chia phần đất được hưởng cho người đó cho phù hợp.

Đối với anh Mai Văn D mắc bệnh tâm thần và có hồ sơ theo dõi uống thuốc hàng tháng, mặc dù anh đã được Tòa án giải thích là có đề nghị Tòa án tuyên bố anh Mai Văn D mất năng lực hành vi dân sự không nhưng anh không

đề nghị Tòa án tuyên bố anh D mất năng lực hành vi dân sự mà đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị H và người được ủy quyền chị Mai Thị Biên trình bày:* Chồng bà là ông Mai Văn T, sinh năm 1953; chết ngày 23/12/2012, khi chết chồng bà không để lại di chúc. Vợ chồng bà sinh được 04 người con đẻ, không có con nuôi, không có con riêng, cụ thể 04 người con gồm:

1. Mai Thị B, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm H (xóm 10), xã H, huyện G, tỉnh Nam Định;

2. Mai Văn D, sinh năm 1977;

3. Mai Văn D, sinh năm 1982;

4. Mai Văn D, sinh năm 1985;

Cháu D, cháu D, cháu D có cùng địa chỉ: Xóm H (xóm 3), xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Bố chồng bà là Mai Văn N, chết năm 1998; mẹ chồng là Nguyễn Thị N, chết năm 2014.

Vợ chồng bà có 1352m^2 đất tại Xóm H, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định: Phía Bắc giáp đất ông Đoàn, phía Nam giáp đường xã, phía Đông giáp đất ông Đống, phía Tây giáp đất ông H. Trên đất có một nhà mái bằng 03 gian hướng Tây xây năm 1991 và một nhà mái ngói 04 gian hướng Nam xây năm 1977; một bể bằng ống bê tông, một bể xây; trước và sau nhà có vườn trồng rau. Ngoài nhà đất tài sản như bà vừa trình bày vợ chồng tôi không còn nhà đất nào khác. Đất là vợ chồng bà tự mua và xây nhà để ở.

Khi các con bà trưởng thành xây dựng gia đình thì chị Biên ở bên đất nhà chồng tại huyện Giao Thuỷ, còn anh D, anh D, anh D ở với vợ chồng bà, năm 2006 chồng bà đã chia cho con trai cả là D, vợ D là Doãn Thị H, một phần đất - phần đất không có nhà để vợ chồng anh Dương, Hiên xây nhà ống 1 tầng ở riêng (đất giáp với đất ông Hùng) – vợ chồng anh Dương, Hiên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ngày 07/6/2006 với diện tích là 410 m^2 thuộc thửa số 450 tờ bản đồ số 16 tại xóm 6, xã X. Phần đất còn lại đứng tên vợ chồng bà Mai Văn T, Nguyễn Thị Hđược cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 618734 ngày 07/6/2006 với diện tích 942 m^2 thuộc thửa số 373 tờ bản đồ số 16 tại Xóm 6, xã X-Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng bà hiện nay bà (Hin) đang giữ.

Vợ chồng anh Mai Văn D, Nguyễn Thị T hiện đang quản lý sử dụng nhà mái bằng 3 gian hướng tây; bà và vợ chồng cháu Mai Văn D, Lưu Thị

Tquản lý sử dụng nhà mái ngói 4 gian hướng nam. Tuy nhiên từ khi chồng bà chết (năm 2012) đến nay thì mọi ăn uống sinh hoạt, lo thuốc men cho bà là do vợ chồng anh D T lo liệu chi phí tất cả các khoản.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh D sửa lát gạch hoa và ốp tường trong nhà và ngoài hiên, làm nhà tứ phủ giáp nhà ông Đống; làm thêm một bể vanh bê tông để đựng nước, làmn đường nước, làm đường điện. Vợ chồng anh D và vợ chồng anh D cùng cải tạo lại bếp, còn cụ thể các anh làm thời gian nào, chi phí làm bao nhiêu tiền thì bà không nhớ, bà không đóng góp gì trong việc các cháu sửa chữa, cải tạo nhà, bếp, đường điện, đường nước hay làm nhà tứ phủ.

Sau khi ông Tường chết, gia đình bà đã nhiều lần họp bàn thống nhất về việc chia đất của ông T nhưng con trai bà là D không nhất trí, không ký kết vào các văn bản nên bất đắc dĩ anh D mới phải làm đơn khởi kiện.

Con trai anh Mai Văn D và Mai Văn D đều bị bệnh tâm thần, đều có hồ sơ bệnh án, hiện anh D và anh D hàng tháng đều lấy thuốc tại trạm y tế xã Xuđể uống.

Trước đây khi chồng bà cho đất vợ chồng anh D H thì chồng bà không bàn bạc thống nhất quan điểm với bà, tuy nhiên vợ chồng anh D H đã xây nhà trên đất mà chồng bà cắt cho và vợ chồng anh D Hiđã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất mà chồng bà cho vào năm 2006. Bà cũng được biết vợ chồng anh D H có bàn bạc và thống nhất là vợ chồng anh D H từ chối nhận di sản thừa kế của chồng bà đối với phần đất 942 m^2 còn lại (vì vợ chồng anh D H đã được chồng bà chia cho 410 m^2 đất để làm nhà rồi) quan điểm của vợ chồng anh D H cũng là hợp lý, hợp tình nên bà nhất trí với ý kiến của vợ chồng anh D H. Bà nhất trí phần đất mà chồng bà đã chia đất cho vợ chồng anh D, chị H.

Nay quan điểm của bà đề nghị Toà án chia di sản thừa kế của ông Tường theo quy định của pháp luật cho các hàng thừa kế gồm bà (Hin), chị Biên, anh D, anh D theo quy định của pháp luật (đề nghị không chia thừa kế cho anh D). Còn phần đất của bà 471m^2 là của bà; Kỷ phần mà bà được nhận là xin nhận bằng đất, tuy nhiên phần của bà được hưởng, được chia di sản thừa kế của chồng bà, bà sẽ để lại toàn bộ cho con trai là Mai Văn D, anh D không phải thanh toán chênh lệch tài sản gì cho bà

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Chị Mai Thị Biên trình bày: Về quan hệ gia đình và thời điểm bố chị mất và khi bố mất không để lại di chúc như anh D đã trình bày là đúng.

Trước đây chị có đề nghị Toà án gộp cả phần đất mà trước đây bố chị đã cắt chia cho vợ chồng em D H 410 m^2 vào để giải quyết trong vụ ánanh D khởi kiện, bao gồm cả nhà, đất đã cấp sổ đỏ cho vợ chồng D H 410 m^2 nhưng sau đó chị không đề nghị Tòa án xem xét nữa mà chị đề nghị Tòa án xem xét chia thừa kế theo đơn khởi kiện của anh D là 942m^2. Phần đất của mẹ chị bao nhiêu là của mẹ chị, phần di sản của bố chị để lại bao gồm cả nhà đất đề nghị chia thừa kế theo quy định của pháp luật cho các thừa kế. Trong đó mẹ chị và chị xin nhận bằng đất, tuy nhiên phần của mẹ chị và chị được hưởng theo quy định của pháp luật thì mẹ chị và chị sẽ để lại toàn bộ cho anh Mai Văn D vì anh D là người nuôi mẹ, anh D không phải thanh toán chênh lệch tài sản gì cho mẹ chị và cho chị.

Chị Doãn Thị H trình bày:

Về quan hệ gia đình và thời điểm bố chồng chị mất như anh D đã trình bày là đúng.

Năm 2001 chị kết hôn với chồng là anh Mai Văn D. Chồng chị Mai Văn D bị bệnh tâm thần (có hồ sơ bệnh án) và hàng ngày vẫn phải uống thuốc điều trị tại trạm y tế xã X.

Bố mẹ chồng chị có 1352m^2 đất tại Xóm H, xã X, huyện tỉnh Nam Định. Trên đất có một nhà mái bằng 03 gian hướng Tây và một nhà mái ngói 04 gian hướng Nam; một bể bằng ống bê tông, một bể xây. Năm 2006 bố mẹ chồng chị có chia cho vợ chồng chị một phần đất của bố mẹ - phần đất không có nhà để vợ chồng chị xây nhà ống 1 tầng có gác xép vào năm 2007 khoảng 80 m^2 với chi phí khoảng 100 triệu đồng và năm 2015 vợ chồng chị xây công trình phụ khoảng 30 m^2 chi phí khoảng 60 triệu đồng-vợ chồng chị đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 618774 ngày 07/6/2006 với diện tích là 410 m^2 thuộc thửa số 450 tờ bản đồ số 16 tại xóm 3, xã X. Phần đất còn lại đứng tên bố mẹ chồng Mai Văn T, Nguyễn Thị H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 618734 ngày 07/6/2006 với diện tích 942 m^2 thuộc thửa số 373 tờ bản đồ số 16 tại Xóm 3, xã X.

Nhà đất của bố mẹ chồng chị hiện nay thì vợ chồng anh Mai Văn D, Nguyễn Thị T đang quản lý sử dụng nhà mái bằng 3 gian hướng tây; vợ chồng anh Mai Văn , Lưu Thị Tđang quản lý sử dụng nhà mái ngói 4 gian hướng nam, mẹ chồng chị bà H ở cả hai nhà, lúc ở nhà anh D, lúc ở nhà anh D. Trong quá

trình chung sống vợ chồng anh D, vợ chồng anh D có sửa sang, cải tạo lại nhà, bếp còn cụ thể các anh làm thời gian nào, chi phí làm bao nhiêu tiền thì chị không biết, mẹ chồng chị bà có cùng các em chi phí cải tạo nhà, bếp hay không thì chị không biết.

Sau khi bố chồng chết gia đình chồng chị đã nhiều lần họp bàn thống nhất về việc chia đất của bố chồng nhưng mẹ chồng và các anh chị em chồng trong gia đình chồng chị không thống nhất được với nhau nên anh Dưỡng khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật.

Bố chồng chị mất không để lại di chúc, khi còn sống bố mẹ chồng chị đã thống nhất cho đất vợ chồng chị và vợ chồng chị đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 410 m^2 đất nên vợ chồng chị không nhận phần đất còn lại (942 m^2 đất) tại Xóm 3, xã X, huyện X đứng tên bố mẹ chồng chị nữa. Toà án cũng đã giải thích cho chị nghe theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Bộ luật Dân sự thì khi một người do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này mất năng lực hành vi dân sự trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần. Chị không yêu cầu Tòa án tuyên bố chồng chị Mai Văn D mất năng lực hành vi dân sự và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục chung.

Quan điểm của chị đề nghị Toà án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật phần đất 942 m^2 cho các thừa kế của bố chồng chị là bà H, chị B, anh D và anh D, vợ chồng chị không nhận và từ chối nhận di sản thừa kế của bố chồng chị đối với phần đất 942 m^2 này, vì vợ chồng chị đã được ông T, bà H đã chia đất rồi.

Anh Mai Văn D trình bày: Về quan hệ gia đình anh chị trong gia đình như các đương sự trình bày là đúng.

Bố mẹ anh có hơn 1000 m^2 đất tại Xóm H, xã X huyện X, tỉnh Nam Định. Nguồn gốc đất là do bố mẹ anh mua, còn nhà là bố mẹ anh làm.

Khoảng 2002 hoặc năm 2003 bố anh cho vợ chồng anh Mai Văn D chị Doãn Thị H hơn 400 m^2 đất – phần đất không có nhà (lúc đó anh không được biết), năm 2007 vợ chồng anh D chị H đã xây nhà ống 1 tầng trên đất bố anh cho. Còn lại hơn 900 m^2 đất cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bố mẹ anh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng anh D chị H, và bố mẹ anh được cấp khoảng năm 2005, còn diện tích cụ thể, thời gian cấp sổ đỏ vào ngày tháng năm nào thì anh không biết.

Hiện nay vợ chồng anh đang ở cùng với bà (H) tại nhà mái ngói 4 gian hướng nam, còn vợ chồng anh Mai Văn D, Nguyễn Thị T đang ở nhà mái bằng 3 gian hướng tây;

Trước đây bố mẹ anh có một công tơ điện, một đường nước nhưng khi vợ chồng D sống chung thì D đòi vợ chồng anh phải trả 700.00 đồng tiền công tơ điện và vợ chồng anh tự làm đường nước riêng để sử dụng.

Năm 2017 vợ chồng anh và vợ chồng D cùng xây sửa lại bếp để sử dụng chung, chi phí sửa bếp đến nay tôi không nhớ, hiện nay bếp có 3 gian thì nhà D sử dụng 2,5 gian còn nhà anh chỉ sử dụng có 0,5 gian.

Năm 2019 vợ chồng D tự xây điện làm nhà tứ phủ giáp nhà ông Đống.

Trong quá trình chung sống gia đình anh có xảy ra mâu thuẫn doanh D chửi bới đánh đập anh một cách vô cớ, anh cũng đã có đơn tố cáo hành vi của Dưỡng gửi Công an xã X, Công an huyện Xuân Trường và công an tỉnh Nam Định giải quyết sự việc.

Năm 2019 D bắt ép mẹ anh chia đất cho anh và D mẹ anh muốn phần đất còn lại (hơn 900 m^2) chia đều cho anh và D nhưng D không nhất trí.

Nay quan điểm của anh: Do D bắt ép mẹ anh, chị Biên về phần đất của mẹ anh nhằm chiếm đoạt lừa đảo và chị Biên cho D nên anh không nhất trí, nay anh đề nghị Toà án gộp cả phần đất mà bố anh cắt cho vợ chồng anh D vào chia thừa kế theo pháp luật. Kỷ phần anh được nhận anh xin nhận là đất. Mai Văn D, bà Nguyễn Thị H, chị B không phân biệt được đúng sai.

Anh Mai Văn D cho rằng mình không bị tâm thần; sau khi Tòa án thu thập chứng cứ là hồ sơ tâm thần của anh D tại Trạm y tế xã X cung cấp thì thể hiện anh D mắc bệnh tâm thần và phải uống thuốc theo chỉ dẫn và hướng dẫn của bác sĩ. Sau đó Tòa án đã ra thông báo chỉ định người giám hộ cho anh Mai Văn D là chị Lưu Thị T là vợ của anh D là người giám hộ cho anh D.

Chị Lưu Thị T trình bày: Chị nhất trí theo ý kiến của anh D đã trình bày, chị không bổ sung thêm gì.

** Kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 20/01/2022 thể hiện:*

- Thửa đất số 373, tờ bản đồ số 16, xã Xuân Phú có diện tích 942m^2, trong đó đất ONT 330m^2; CLN 422m^2, NTS 190m^2;

Thửa đất số 450, tờ bản đồ số 16, xã Xuân Phú có diện tích đất là 410m^2, trong đố CLN 330m^2, NTS 80m^2.

- Giá đất ở: 5.250.000đ/m^2

- Giá đất vườn, ao: 3.500.000đ/m^2

+ Công trình xây dựng trên đất: Nhà mái ngói bà Hin và vợ chồng anh Duy đang quản lý sử dụng xây dựng từ năm 1977 là 48m^2 đã hết khấu hao.

- Nhà mái bằng hướng tây do vợ chồng anh Dưỡng đang sử dụng diện tích là 56,4m^2 và công trình phụ đã hết khấu hao.

- 01 Hống nước, bể nước hết khấu hao.

- Nhà ống 1 tầng vợ chồng anh Dương chị Thêu diện tích 56,25m^2 có giá là 48.000.000đ; mái tôn trước nhà có giá 2.000.000đ; công trình phụ có giá 15.000.000đ.

- Điện thờ do vợ chồng anh Dưỡng xây diện tích 15,64m^2 có giá 50.000.000đ. Lầu hóa vàng diện tích 2,8m^2 có giá là 500.000đ.

- Tường bao 30,94 m^2, 2 trụ cổng 0,26m^3 đều hết khấu hao.

** Kết quả thu thập tài liệu chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Phú:*

1. Về quan hệ gia đình: ông Mai Văn T, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị H sinh năm 1951; địa chỉ: Xóm 3, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định có 04 người con đẻ, không có con nuôi, không có con riêng gồm: Mai Thị B (đang sinh sống tại huyện G); Mai Văn Dư; Mai Văn ; Mai Văn D. Hiện bà Hin, vợ chồng anh D, vợ chồng anh , vợ chồng anh D đều đang sinh sống tại xã , huyện X, tỉnh Nam Định. Ông đã chết ngày 23/12/2012.

2. Về nguồn gốc đất tranh chấp, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tranh chấp:

- Bản đồ năm 1987 thửa số 703, tờ bản đồ số 2b thể hiện đất hộ ông Tường sử dụng diện tích 980 m^2 trong đó đất ở là 284 m^2, đất vườn 361 m^2, đất ao 302 m^2. Cộng diện tích các loại đất 284 m^2 + 361 m^2 + 302 m^2 chỉ bằng 947 m^2 như vậy bản đồ năm 1987 số liệu là 980 m^2 so với phân tích từng loại đất thì vênh nhau là 980 m^2 – 947 m^2 là 33 m^2

- Bản đồ năm 1990 thửa số 373, tờ bản đồ số 16 thể hiện đất hộ ông Tường sử dụng diện tích 1350 m^2 trong đó đất ở là 200 m^2, đất vườn 790 m2, đất ao 360 m^2. So sánh bản đồ năm 1990 với bản đồ năm 1987 là 1350 m^2 – 947 m^2 = 403 m^2 (tăng) là do sai số do đo đạc;

- Bản đồ năm 2004 tại thửa số 373, 450, tờ bản đồ số 16 thể hiện người sử dụng đất Mai Văn T – Mai Văn D với diện tích 1352 m^2 trong đó đất ở nông thôn 330 m^2, đất trồng cây lâu năm 752 m^2, đất nuôi trồng thuỷ sản 270 m^2; cụ thể: Tường thửa số 373 có diện tích 942 m^2 (CLN 422 m^2, ONT 330 m^2; NTS 190 m^2); D thửa số 450 có diện tích 410 m^2 (CLN 330 m^2, NTS 80 m^2);

- Vợ chồng ông Mai Văn T, bà Nguyễn Thị H đã được Ủy ban nhân dân huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 618734 ngày 07/6/2006

với diện tích 942 m^2 (CLN 422 m^2, ONT 330 m^2; NTS 190 m^2) thuộc thửa số 373 tờ bản đồ số 16 tại xóm 3, xã X

- Vợ chồng ông Mai Văn , bà Doãn Thị H đã được Ủy ban nhân dân huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 618774 ngày 07/6/2006 với diện tích là 410 m^2 trong đó CLN 330 m^2, NTS 80 m^2 thuộc thửa số 450 tờ bản đồ số 16 tại xóm 3, xã Xuân Phú;

- Ngày 15/3/2004 ông Mai Văn T có đơn đề nghị tách đất cho vợ chồng ông D bà H. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử đất cho vợ chồng ông Tường, bà H và vợ chồng ông D bà H là cấp đúng theo quy định của pháp luật;

- Kết quả đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/01/2022: Đất tranh chấp thuộc thửa số 373 và 450 tờ bản đồ số 16 bản đồ lập năm 2004 trong đó thửa 450 là 410 m^2 (CLN 330 m^2, NTS 80 m^2); thửa số 373 có diện tích 942 m^2 (CLN 422 m^2, ONT 330 m^2; NTS 190 m^2) đúng như diện tích đã cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng ông T bà H và vợ chồng ông D bà H;

3. Việc phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc anh D khởi kiện và quan điểm của địa phương:

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc anh D khởi kiện: Địa phương được biết sau khi ông T chết, gia đình bà H cũng đã nhiều lần họp bàn thống nhất về việc chia đất đai nhưng do anh Mai Văn D không nhất trí, nên anh D đã làm đơn khởi kiện.

Ông Tường trước đây bị bệnh tâm thần, hiện nay anh D và anh D là con của ông T và bà H cũng đang bị bệnh tâm thần, hàng tháng anh Dương và anh D đều được cấp phát thuốc tại trạm y tế xã X để điều trị bệnh tâm thần, để làm rõ hơn về vấn đề này đề nghị Toà án liên hệ với trạm y tế xã X để trạm y tế xã cung cấp các tài liệu chứng cứ về việc anh D và anh D bị bệnh tâm thần.

Nay quan điểm của địa phương: Đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho các bên.

Tại phiên tòa:

Anh Mai Văn D, chị Mai Thị B, chị Doãn Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tại phiên tòa phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử , các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng anh D và chị T chưa chấp hành theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử; căn cứ vào Điều 609, 612, 613, 623, 651, 660 của Bộ luật Dân sự; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mai Văn D về chia di sản thừa kế của ông Mai Văn T theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được chia. Đối với bà Hin được miễn án phí là người cao tuổi và có đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đối với anh Mai Văn D và chị Lưu Thị T chưa chấp hành theo quy định của pháp luật.

Đối với anh Mai Văn D cho rằng mình không bị bệnh tâm thần, nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ hồ sơ bệnh án tâm thần của anh Mai Văn Duy tại Trạm y tế xã X thể hiện anh D mắc bệnh tâm thần và uống thuộc điều trị hàng tháng. Các đương sự không đề nghị Tòa án tuyên bố anh Duy mất năng lực hành vi dân sự. Vì vậy, Tòa án thông báo chỉ định chị Lưu Thị Thêu là vợ của anh Duy là người giám hộ cho anh là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Để có cơ sở xem xét chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của anh Mai Văn D thì cần xem xét một cách khách quan và toàn diện tài liệu chứng cứ, quy định của pháp luật trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử có nhận định, đánh giá cụ thể như sau:

Ông Mai Văn Tường và bà Nguyễn Thị H có diện tích đất là 1350m^2 đất tại xóm 6 cũ nay là xóm 3, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Bản đồ năm 2004 tại thửa số 373, 450, tờ bản đồ số 16 thể hiện người sử dụng đất Mai Văn Tường – Mai Văn D với diện tích 1352 m^2 trong đó đất ở nông thôn 330 m^2, đất trồng cây lâu năm 752 m^2, đất nuôi trồng thuỷ sản 270 m^2; cụ thể: Tường thửa số 373 có diện tích 942 m^2 (CLN 422 m^2, ONT 330 m^2; NTS 190 m^2); Dương thửa số 450 có diện tích 410 m^2 (CLN 330 m^2, NTS 80 m^2);

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ông Mai Văn T chết ngày 23/12/2012. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì "Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản…kể từ thời điểm mở thừa kế", theo quy định tại khoản 1 Điều 611 thì "Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết". Đối chiếu với các quy định thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là trong thời hạn luật định.

[4] Về hàng thừa kế của ông Mai Văn T: Ông Mai Văn T và bà Nguyễn Thị H có 4 người con đẻ, không có con nuôi. Như vậy, khi ông Mai Văn T chết

đi thì hàng thừa kế gồm có bà Nguyễn Thị H, chị Mai Thị B, anh Mai Văn D, anh Mai Văn D và anh Mai Văn D.

[5] Xác định di sản và yêu cầu chia di sản: Ông Mai Văn T và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng có thửa đất số 373, tờ bản đồ số 16 có diện tích 942 m^2 (CLN 422 m^2, ONT 330 m^2; NTS 190 m^2). Khi ông T mất đi thì tài sản của mỗi người là ½ giá trị tài sản là đất, trong đó giá trị phần tài sản của ông T được xác định là di sản thừa kế để lại có diện tích đất là 471m^2, trong đó đất ở 163m^2, đất vườn là 211m^2, đất ao là 95m^2; diện tích đất còn 471m^2 là của bà Hin là thuộc quyền quản lý của bà H. Đối với các công trình xây dựng mà ông T, bà H xây dựng trên diện tích đất này cũng như vợ chồng D, anh D sửa chữa tu bổ thì đều đã hết khấu hao nên không còn là di sản nữa.

Anh Mai Văn D khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Mai Văn T về diện tích đất 471m^2 cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật là phù hợp. Như vậy, hàng thừa kế được xác định là 5 người nhưng trong đó vợ chồng anh Mai Văn D đã được ông T chia đất diện tích là 410m^2 khi ông T còn sống cũng như bà H đã nhất trí việc ông Tường chia đất vợ chồng anh D, chị H, vợ chồng anh D, chị H từ chối nhận di sản thừa kế của ông Tường là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó di sản của ông Tường sẽ chia cho 4 xuất thừa kế gồm bà Hin, chị Biên, anh D, anh D, khi phân chia là quyền sử dụng đất mỗi 1 kỷ phần hàng thừa kế được nhận diện tích đất là 117,75m^2, trong đó đất ở là 41,25m^2, đất vườn 52,75m^2, đất ao là 23,75m^2 (đất ở 41,25m^2 x 5.250.000đ/m^2 = 216.562.000đ; đất vườn, ao 76,5m^2 x 3.500.000đ/m^2 = 267.750.000đ; tổng là: 484.321.000đ). Trong đó các hàng thừa kế đều có nguyện vọng xin nhận đất. Trong đó phần di sản của bà H được nhận là 117,75m^2 đất và phần đất riêng của bà diện tích 471m^2, phần diện tích đất của chị B được nhận 117.75m^2, bà Hin có nguyện vọng để lại kỷ phần của mình được hưởng theo thừa kế cũng như phần đất riêng là tài sản của bà Hin, kỷ phần mà chị Biên được hưởng đều có nguyện vọng để cho anh Dưỡng sử dụng, bà H, chị B không yêu cầu anh D phải thanh toán giá trị lại tài sản. Xét thấy, bà H, chị B để lại kỷ phần là đất mà mình được hưởng cũng như phần đất riêng của bà H để lại cho anh Dg sử dụng và không yêu cầu anh D phải thanh toán lại giá trị tài sản cho bà H, chị B là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Khi phân chia là quyền sử dụng cho các đương sự phải căn cứ vào hình thể thửa đất để phân chia vị trí sử dụng cho phù hợp với thực tế. Vì vậy, đối với kỷ phần mà anh D được hưởng là đất thì HĐXX sẽ giao cho anh được hưởng sát với phần đất của vợ chồng anh D, chị H, tiếp đến là phần đất của anh Dưỡng trong đó có cả phần đất mà anh D được hưởng cũng như được bà H, chị B để lại cho. Kỷ phần mà anh D được hưởng có đất ở 41,25m^2, còn lại diện tích đất vườn, ao là 76,25m^2, chỗ phần đất được hưởng thì không có đất ở mà toàn là đất vườn, ao. Vì vậy HĐXX sẽ cân đối hoán đổi từ đất ở thành đất vườn để tính giá tương đương như nhau, ngoài diện tích đất được phân chia, sau khi cân đối diện tích đất thì xuất của anh D được cộng thêm 20.35m^2 đất vườn, ao. Như vậy, phần đất của anh D diện tích là 138.3m^2 có giá trị là 484.321.000đ. Đối với phần đất của anh D được hưởng theo kỷ phần cũng như kỷ phần đất của bà H; phần

đất riêng của bà H và kỷ phần đất của chị Biên để lại cho anh D là 803,7m^2, trong đó đất ở 330m^2 x 5.250.000đ/m^2 = 1.732.500.000đ; đất vườn, ao 473,7m^2 x 3.500.000đ/m^2 = 1.657.950.000đ; tổng giá trị: 3.390.450.000đ.

Đối với các công trình xây dựng của ông T, bà H đã xây; vợ chồng anh D, vợ chồng anh Dđã tu sửa nhưng đều đã hết khấu hao, điện thờ mà vợ chồng anh D đã xây trên đất của ông T, bà H còn giá trị, các công trình này đều nằm trên phần đất mà HĐXX sẽ giao cho anh D được hưởng như phân tích ở trên là phù hợp.

Đối với diện tích đất 410m^2 của vợ chồng anh D, chị H đã được cấp sổ đỏ, bà H, chị B, anh D nhất trí với việc ông T đã chia cắt và không đề nghị xem xét. Xét bà H, chị B, anh D không yêu cầu xem xét là phù hợp.

Đối với anh D yêu cầu đề nghị Tòa án gộp cả diện tích đất 410m^2 mà ông T đã chia cắt cho vợ chồng anh D, chị H vào để xem xét chia thừa kế. Sau khi anh D có yêu cầu đề nghị Tòa án xem xét, Tòa án đã có văn bản thông báo cho người giám hộ là chị Lưu Thị T - vợ của anh D cũng như thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu của anh D về yêu cầu trên. Nhưng chị Thkhông nộp tiền tạm ứng án phí để Tòa án xem xét yêu cầu của anh D nên HĐXX không xem xét là phù hợp như đã phân tích ở trên.

Từ những phân tích đánh giá lập luận ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của anh Mai Văn D về chia di sản thừa kế của ông Mai Văn Tường theo quy định của pháp luật là phù hợp nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Các đương sự được chia di sản thừa kế nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản mình được hưởng. Đối với bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên kỷ phần của bà Hin được hưởng và phần tài sản riêng của bà Hin đều để lại cho anh D sẽ được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điều 609, 612, 613, 623, 651, 660 của Bộ luật Dân sự; Điều 167, Điều 169 và Điều 188 Luật đất đai năm 2013; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mai Văn D về chia di sản thừa kế của ông Mai Văn T.

Giao cho anh Mai Văn D được quyền sử dụng diện tích đất là 803,7 m2, trong đó đất ở 330m^2, đất vườn 342m^2, đất ao 131,7m^2 trị giá 3.390.450.000đ ở xóm 3, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định cũng như vợ chồng anh Mai Văn D chị Nguyễn Thị T được sử dụng các công trình xây dựng trên phần đất này.

Giao cho anh Mai Văn D được quyền sử dụng diện tích đất là 138,3m^2, trong đó đất vườn là 80 m^2, đất ao là 58,3m^2, trị giá 484.312.000đ ở xóm 3, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định;

(Về diện tích, ranh giới, độ dài các cạnh của thửa đất được mô tả chi tiết trong sơ đồ kèm theo).

Đương sự có trách nhiệm liên hệ đăng ký quyền sử dụng đất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để điều chỉnh về diện tích đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án. (Cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh diện tích đất cho các đương sự theo bản án có hiệu lực pháp luật).

3 Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Mai Văn D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 40.999.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 36.000.000đ theo biên lai số 0002880 ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chị cục thi hành án dân sự huyện Xuân T. Anh Mai Văn D còn phải nộp tiếp số tiền 4.999.000đ.

Anh Mai Văn D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 23.372.000đ.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện ;
- Chi cục THADS huyện
- UBND xã ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Ngọc Long